

Số: 966 /QĐ-SYT

Bắc Ninh, ngày 04 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Cấp mới, cấp lại, thu hồi Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh
đợt 27 năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Biên bản họp ngày 04/5/2026 của Tổ thư ký thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho **31** cá nhân đủ điều kiện (*Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm*).

Thu hồi **02** chứng chỉ hành nghề/giấy phép hành nghề sau cấp mới do thay đổi chức danh, cấp lại do mất (*Chi tiết theo phụ lục 2 đính kèm*).

Điều 2. Các cá nhân được cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đúng phạm vi hành nghề, thời hạn hành nghề và tuân thủ các quy định hiện hành đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Các cá nhân sau thu hồi chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Điều 1 có trách nhiệm chấp hành nghiêm các quy định liên quan sau thu hồi chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, báo cáo tổ chức, đơn vị có liên quan và không được hành nghề với phạm vi chuyên môn đã thu hồi dưới mọi hình thức.



Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Trưởng các Phòng thuộc Sở và các cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3 ;
- Ban Giám đốc SYT (để b/c) ;
- Các đơn vị trực thuộc SYT ;
- Các cơ sở KBCB tư nhân ;
- Công TTĐT SYT (đăng tải) ;
- Lưu VT, QLHN.

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Thu Hương

Phụ lục 1
DANH SÁCH CẤP MỚI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
ĐỢT 27 NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 966 /QĐ-SYT ngày 04/5/2026 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
1	ĐỖ NGỌC QUỐC KHÁNH	02/09/2003	024203016125	06/09/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật Y	Xét nghiệm y học	001566/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
2	LÊ THỊ KHUÊ	25/06/1994	024194002387	29/04/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001567/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_sau thu hồi
3	NGUYỄN THỊ THÚY NGÂN	30/03/1993	024193014381	07/09/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001568/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
4	TRẦN THỊ CHÂM	11/04/1988	024188002200	13/04/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001569/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_sau thu hồi
5	NGUYỄN THỊ MAI	16/02/2004	027304003760	29/04/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001570/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
6	VŨ THỊ THẨM	15/04/1990	034190005226	12/11/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001571/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
7	NGUYỄN THỊ TUYẾT LAN	29/12/1998	024198000813	02/12/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Nhi khoa	001572/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
8	NGUYỄN THỊ DUNG	15/10/1998	027198009440	16/02/2024	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Nhi khoa	001573/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
9	NGUYỄN HOÀNG DUY	05/03/2003	024203011496	01/09/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật Y	Hình ảnh y học	001574/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
10	LÊ THỊ THU HÀ	10/07/1998	024198009400	28/09/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Sản phụ khoa	001575/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
11	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	20/10/1998	024198003265	29/09/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Sản phụ khoa	001576/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
12	TRẦN THỊ HƯƠNG	16/05/1998	024198002364	17/11/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Nhi khoa	001577/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
13	NGUYỄN THỊ HUỆ	06/04/2003	019303000303	31/03/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Hộ sinh	Hộ sinh	001578/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
14	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	26/08/2003	024303004255	25/04/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001579/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
15	TRƯƠNG QUANG ANH	06/09/1998	024098000300	18/11/2024	Bộ Công An	Bác sĩ	Chuyên khoa Ung thư	001580/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
16	NGUYỄN THỊ HẰNG	16/12/1998	024198004431	14/10/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Sản phụ khoa	001581/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
17	NGUYỄN THỊ TUYẾT	22/06/1989	030189021052	21/09/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật Y	Phục hồi chức năng	001582/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_sau thu hồi
18	KHÔNG THỊ THU	03/07/1997	027197003280	09/05/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Nhi khoa	001583/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
19	LÀM THỊ PHƯƠNG	21/07/1998	024198004485	14/02/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Nội khoa	001584/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
20	NGUYỄN THẾ VIỆT	01/11/1992	027092005923	08/05/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y học cổ truyền	001585/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_thay đổi chức danh
21	ĐẶNG VĂN THIỆP	17/12/1993	027093004400	16/02/2024	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật Y	Hình ảnh y học	001586/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
22	DIỆP THỊ ĐÀO	10/08/1997	024197007132	22/11/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Sản phụ khoa	001587/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
23	TRẦN DANH PHƯƠNG	21/12/1965	027065000335	15/12/2025	Bộ Công An	Bác sĩ	Y khoa	001588/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
24	TRẦN VĂN KHẢI	17/12/2004	024204011386	13/05/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001589/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
25	VŨ QUANG CHÍNH	05/07/1998	024098012818	26/09/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Chuyên khoa Nhi khoa	001590/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
26	TRẦN THÀNH LONG	20/12/1983	024083000257	22/03/2024	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Y sĩ	Y học cổ truyền	001591/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
27	HOÀNG HỒNG LINH	12/07/1987	024187013280	09/01/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Y sĩ	Đa khoa	001592/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
28	TRẦN ĐỨC NAM	05/03/1995	024095015790	07/11/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	001593/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
29	ĐỖ THỊ HOÀNG ANH	12/06/1992	024192000033	14/05/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001594/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
30	NGUYỄN THỊ DUYÊN	02/07/1989	034189013041	30/11/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	001595/BN-GPHN	04/05/2026	04/05/2031	Cấp mới_lần đầu
31	NGUYỄN VĂN MẠNH	06/06/2002	027202001610	01/05/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	000256/BN-GPHN	04/05/2026	27/11/2029	Cấp lại_do mất

Phụ lục 2**DANH SÁCH THU HỒI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ/GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH***(Ban hành kèm theo Quyết định số 966/QĐ-SYT ngày 04/5/2026 của Sở Y tế)*

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GP HN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
1	NGUYỄN THẾ VIỆT	01/11/1992	027092005923	004874/BN-CCHN	07/11/2018	Y sỹ y học cổ truyền	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	Cấp mới thay đổi chức danh
2	NGUYỄN VĂN MẠNH	06/06/2002	027202001610	000256/BN-GPHN	27/11/2024	Điều dưỡng	Điều dưỡng	Cấp lại_do mất